

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 4152/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ,
quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới,
sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền
địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm
2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017
của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung
một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-
CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới,
sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 123/TTr-
SGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

1. Danh mục thủ tục hành chính: Ban hành mới 07 thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính; thay thế 05 thủ tục hành chính và bãi bỏ 01 thủ tục hành chính. Các thủ tục được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đã được công bố tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố các thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải được ban hành mới 02; sửa đổi, bổ sung 02 và bãi bỏ 01 quy trình nội bộ, quy trình điện tử tương ứng với thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại khoản 1 Điều này. Các quy trình nội bộ, quy trình điện tử sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố các thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai. Đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ sở đăng kiểm do đơn vị tự ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện theo đúng quy định của thủ tục.

(Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; Các nội dung khác của Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính, cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, gỡ bỏ quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÀI BỎ
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4152/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
1		Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trong 03 ngày làm việc, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ; - Trong 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế; - Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan phối hợp: Không có.	- Không có.	Thông tư số 46/2024/TT- BGT/VT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.	Theo quy định trên phần phẩm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phẩm chuyên ngành
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị; - Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:	- Không có.	Thông tư số 46/2024/TT- BGT/VT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình	Theo quy định trên phần phẩm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phẩm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
			thay đổi vị trí, tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động; lập thông báo tiếp nhận trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; kiểm tra, đánh giá thực tế trong 15 ngày, kể từ ngày lập thông báo; cấp giấy chứng nhận trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan phối hợp: Không có.		chủ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động, kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.		
3		Cấp Giấy chứng nhận định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trực tiếp tại Cơ sở Đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan phối hợp: Không có.	+ 40.000 đồng/ GCN; + 90.000 đồng/ GCN đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương).	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
							thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng; an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị; phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị; phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn		

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
4		Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	+ Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; + Trường hợp bị mất: sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, chủ xe mang giấy tiếp nhận thông tin báo mất đến Cơ sở Đăng kiểm để được cấp lại trong ngày.	Thực tiếp tại Cơ sở Đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến.	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan phối hợp: Không có.	+ 23.000 đồng/ GCN, Tem kiểm định.	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khi thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới.	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
5		Chúng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	+ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ cải tạo: 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; + Cấp giấy chứng nhận: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả đạt yêu cầu; Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.	Trực tiếp tại Cơ sở Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan phối hợp: Không có.	+ 40.000 đồng/ GCN; 90.000 đồng/ GCN đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương); + Giá dịch vụ kiểm định theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC và Thông tư số 55/2022/T T-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
							điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an		

S TT	Mã THHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
							toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới		
6		Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	+ Trường hợp bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với hồ sơ lưu trữ tại Cơ sở Đăng kiểm; + Trường hợp Giấy chứng nhận có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.	Thực tiếp tại Cơ sở Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan phối hợp: Không có.	+ 40.000 đồng/ GCN; 90.000 đồng/ GCN đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương); + Giá dịch vụ kiểm định theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC và Thông tư số 55/2022/T-T-BTC của Bộ trưởng Bộ	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
						Tài chính	tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 sửa		

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
7		Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	+ Nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ; + Nộp trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.	Trực tiếp tại Cơ sở Đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan phối hợp: Không có.	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phần chuyên ngành

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
1	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh xe cơ giới	- Trong 03 ngày làm việc, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ; - Trong 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế; - Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan phối hợp: Không có	- Không có.	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của Cơ sở Đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành
2	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh xe cơ giới	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; giảm số lượng dây chuyên kiểm định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị; - Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng dây chuyên kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;	- Không có.	Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của Cơ sở Đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
			Loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động: lập thông báo tiếp nhận trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; kiểm tra, đánh giá thực tế trong 15 ngày, kể từ ngày lập thông báo; cấp giấy chứng nhận trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.		- Cơ quan phối hợp: Không có.		khí thải xe mô tô, xe gắn máy.		
3		Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	+ Kiểm định tại Cơ sở Đăng kiểm: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, xe không bị từ chối kiểm định. Trả kết quả ngay sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá; + Kiểm định ngoài Cơ sở Đăng kiểm: tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. Trả kết quả trong 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.	Trực tiếp tại Cơ sở Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở Đăng kiểm; - Cơ quan phối hợp: Không có.	+ 40.000 đồng/ đồng/ GCN; 90.000 đồng/ GCN đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương); + Giá dịch vụ kiểm định theo Thông tư số 238/2016/T T-BTC và Thông tư số	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; - Thông tư số	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành	Theo quy định trên phần mềm chuyên ngành

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
						55/2022/TT -BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính	199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe		

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
							cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới; - Thông tư số 55/2022/TT-BTC, ngày 24/8/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.		

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

S TT	Mã THHC	Tên thủ tục hành chính bị thay thế	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Thành phần hồ sơ số hóa	Kết quả hồ sơ số hóa
1	1.001261	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành
2	1.004325	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ			Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành
3	1.005005	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ			Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành
4	1.005018	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Thông tư số 47/2024/TT BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành	Theo quy định trên phần phêm chuyên ngành
5	1.012323	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng cải tạo				

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÀI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.001001	Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
THAY THẾ, BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(ban hành) kèm theo Quyết định số 4152/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Phần I

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ CẤP TỈNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm	Số trang tại Phần II
1		Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trong 03 ngày làm việc, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ; - Trong 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế; - Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Trên phần mềm chuyên ngành	4
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị; - Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Trên phần mềm chuyên ngành	4 - 5

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm	Số trang tại Phần II
		máy	lập thông báo tiếp nhận trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; kiểm tra, đánh giá thực tế trong 15 ngày, kể từ ngày lập thông báo; cấp giấy chứng nhận trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.			

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm	Số trang tại Phần II
1		Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Trong 03 ngày làm việc, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ; - Trong 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế; - Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Trên phần mềm chuyên ngành	5

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm	Số trang tại Phần II
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị; - Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động: lập thông báo tiếp nhận trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; kiểm tra, đánh giá thực tế trong 15 ngày, kể từ ngày lập thông báo; cấp giấy chứng nhận trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	Trên phần mềm chuyên ngành	5 - 6

Phần II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI

1. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

*** Thời hạn giải quyết:**

- Trong 03 ngày làm việc, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ;
- Trong 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế;
- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận.

*** Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (23 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	20 ngày
Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

*** Thời hạn giải quyết:**

2.1. Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	3,5 ngày
Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

2.2. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động:

- Lập thông báo tiếp nhận trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;
- Tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế trong 15 ngày, kể từ ngày lập thông báo;
- Cấp giấy chứng nhận trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (23 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	20 ngày
Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

*** Thời hạn giải quyết:**

- Trong 03 ngày làm việc, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ;
- Trong 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá thực tế;
- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận.

*** Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (23 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	20 ngày
Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

* Thời hạn giải quyết:

2.1. Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; giảm số lượng dây chuyền kiểm định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	3,5 ngày
Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

2.2. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động:

- Lập thông báo tiếp nhận trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

- Tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế trong 15 ngày, kể từ ngày lập thông báo;

- Cấp giấy chứng nhận trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (23 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	20 ngày
Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,5 ngày